

Đăk Lăk, ngày **20** tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 24/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022;

UBND tỉnh Đăk Lăk báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của tỉnh Đăk Lăk như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

I. Thu NSNN trên địa bàn

1. Tổng thu cân đối NSNN năm 2019 ước thực hiện là 6.910.000 triệu đồng, đạt 127,0% dự toán Trung ương và 101,5% dự toán HĐND giao; tăng 17,6% so với năm 2018; trong đó:

- Thu thuế, phí 4.700.000 triệu đồng, đạt 109,0% dự toán Trung ương và 102,2% dự toán HĐND tỉnh giao; tăng 6,4% so với năm 2018;
- Thu biện pháp tài chính 1.930.000 triệu đồng, đạt 216,9% dự toán Trung ương giao và 99,5% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 70,9% so với năm 2018;
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 140.000 triệu đồng, đạt 132,1% dự toán Trung ương và 107,7% dự toán HĐND tỉnh giao; tăng 11,7% so với năm 2018;
- Thu thuế XNK: 140.000 triệu đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao; bằng 68,3% so với năm 2018;

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2. Thu ngân sách trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

Tổng thu cân đối ngân sách các huyện, thị xã, thành phố ước thực hiện là: 3.013.227 triệu đồng, đạt 112,1% dự toán HĐND tỉnh giao; trong đó:

- Thu thuế, phí, lệ phí: 1.768.138 triệu đồng, đạt 108,3% dự toán HĐND tỉnh giao;

- Thu biện pháp tài chính: 1.245.089 triệu đồng, đạt 117,9% dự toán HĐND tỉnh giao;

(Chi tiết phụ lục 03 kèm theo)

Nhìn chung, các huyện thị xã, thành phố đã triển khai tốt công tác thu ngân sách trên địa bàn, đảm bảo nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi đã bố trí từ dự toán đầu năm 2019.

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2019.

Tổng thu cân đối NSNN năm 2019 của tỉnh Đăk Lăk đạt 127,0% so với dự toán Trung ương giao và đạt 101,5% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm 2018, bởi các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo tăng cường quản lý thu thuế trên địa bàn; đẩy mạnh chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại và gian lận giá với nhiều giải pháp được triển khai thực hiện.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố và Cơ quan thuế đã đẩy mạnh tuyên truyền việc cải cách hành chính về thuế, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thuế; tăng cường chống thất thu, nhất là đối với các lĩnh vực trọng điểm; tăng cường kỷ luật, kỷ cương của ngành. Tập trung tuyên truyền chủ trương hợp nhất các Chi cục Thuế trực thuộc Cục thuế tỉnh (giảm 5 Chi cục thuế, 33 đội Thuế), tuyên truyền Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019.

- Các cấp, các ngành đã có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, đồng bộ, hiệu quả; một số chính sách thuế mới có hiệu lực thi hành đã tác động tích cực đến nguồn thu NSNN của tỉnh, trong đó, đặc biệt là chính sách thuế Tài nguyên,... đã tác động làm tăng nguồn thu cho ngân sách của tỉnh.

- Công tác chống thất thu, chống buôn lậu, gian lận thương mại và gian lận giá được đẩy mạnh. Cục thuế tỉnh đã chủ động tham mưu duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo đôn đốc thu thuế và chống thất thu ngân sách nhà nước từ tỉnh đến huyện, thị xã, thành phố.

- Năm 2019 một số chính sách thuế mới có hiệu lực thi hành đã ảnh hưởng lớn đến nguồn thu NSNN của tỉnh (thuế bảo vệ môi trường, tài nguyên, giá trị gia tăng của các doanh nghiệp kinh doanh thủy điện).

Bên cạnh những mặt tích cực thì thu ngân sách toàn tỉnh còn gặp một số hạn chế sau:

- Giá cả một số mặt hàng chủ lực của tỉnh (cao su, hồ tiêu, cà phê ...) giảm mạnh, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và diễn ra trên diện rộng (bệnh lở mồm long móng, dịch tả lợn Châu Phi)... nên đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác thu thuế năm 2019.

- Thu tiền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn do một số nguyên nhân như: Nhu cầu mua của người dân đã giảm sút, thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trầm lắng; các dự án khu dân cư trên địa bàn thành phố đang triển khai đầu

tư nên chưa thể đưa vào khai thác trong năm 2019 đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch thu tiền sử dụng đất đã đề ra.

II. Chi ngân sách địa phương năm 2019

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2019 ước thực hiện 16.612.793 triệu đồng, tăng 12,1% so với dự toán Trung ương và 2,7% dự toán HĐND tỉnh giao; tăng 14,7% so với năm 2018; trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 14.536.112 triệu đồng, bao gồm:

a) Chi đầu tư phát triển: 3.090.999 triệu đồng, đạt 180,8% dự toán Trung ương giao và đạt 107,5% dự toán HĐND tỉnh giao.

b) Chi thường xuyên: 11.443.073 triệu đồng, tăng 7,5% so với dự toán Trung ương và tăng 6% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm, so với năm 2018 tăng 7,6% (do thực hiện các nhiệm vụ được chuyển nguồn kinh phí từ năm 2018 sang năm 2019).

c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.440 triệu đồng.

d) Chi trả nợ lãi: 600 triệu đồng.

2. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ từ nguồn Trung ương bổ sung mục tiêu: 2.076.681 triệu đồng, đạt 94,4% so với dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao. Trong đó:

- Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu: 907.913 triệu đồng, đạt 95% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao.

- Chi thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương bổ sung có mục tiêu: 707.744 triệu đồng, đạt 93,4% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

- Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 461.024 triệu đồng, đạt 94,63% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao.

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

Trong điều kiện nguồn thu ngân sách của tỉnh vẫn còn chiếm tỷ trọng thấp so với tổng nhu cầu chi, còn phải nhận bổ sung phần lớn từ ngân sách Trung ương mới có thể cân đối ngân sách tỉnh; UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan thuế và các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác thu, thực hiện quản lý sử dụng ngân sách thật chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách trên địa bàn. UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, chính sách an sinh xã hội, không để xảy ra tình trạng nợ lương và các chính sách, chế độ cho người lao động, đảm bảo kinh phí cho an ninh, quốc phòng, khắc phục thiên tai, dịch bệnh.

3. Thực hiện ghi thu - ghi chi tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh theo Công văn số 11282/BTC-NSNN ngày 25/9/2019 của Bộ Tài chính về hạch toán tiền bồi thường , GPMB đối với số tiền nhà đầu tư đã ứng trước; Năm 2019 đã thực hiện ghi thu ghi chi, số tiền: 116.527,9 triệu đồng, gồm: Dự án diêm văn hóa, diêm sinh hoạt văn hóa thể thao xã Ea Kao, thành

phố Buôn Ma Thuột 107, 9 triệu đồng, Dự án sinh thái Văn hóa cà phê Suối Xanh 116.419,8 triệu đồng.

III. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh về thu, chi ngân sách năm 2019

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/11/2018 của Tỉnh ủy Đăk Lăk về nhiệm vụ năm 2019; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2019; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước năm 2019 của tỉnh Đăk Lăk; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019;

Với tinh thần quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 10928/UBND-KT ngày 19/12/2018 về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2019; các cấp các ngành trong tỉnh đã tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước:

- Tập trung tổ chức thực hiện tốt Luật NSNN năm 2015, các Nghị quyết của Quốc hội, HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

- Triển khai công tác thu NSNN ngay từ đầu năm, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào NSNN theo quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thuế đã được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành.

- Hạn chế tối đa việc đề xuất, ban hành các chính sách mới làm giảm thu NSNN (trừ các cam kết quốc tế); quyết tâm thu đạt và vượt dự toán Hội đồng nhân dân quyết định.

- Tập trung hỗ trợ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp trọng điểm. Chú trọng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cấp ngành và cấp địa phương, đẩy mạnh thu hút đầu tư, tạo điều kiện hỗ trợ để các cơ sở sản xuất, kinh doanh mới nhanh chóng đi vào hoạt động, tạo năng lực sản xuất mới, góp phần tăng nguồn thu NSNN. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là trên các lĩnh vực tiếp cận vốn, thuế, đầu tư, xây dựng, tài nguyên môi trường, lao động..., tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.

- Thực hiện rà soát các dự án hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; các giấy phép cấp quyền khai thác khoáng sản để triển khai thu đầy đủ và kịp thời các khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Xác định cụ thể các đối tượng đang được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật đất đai năm 2013, giao cơ quan tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, chuyển cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và đôn đốc, thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào ngân sách nhà nước.

- Tập trung giải quyết dứt điểm vướng mắc thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với các dự án còn tồn đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; đồng thời, đôn đốc các chủ dự án thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào NSNN theo quy định. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các khu đất trong quy hoạch để tăng nguồn thu tiền sử dụng đất trong kế hoạch năm 2019.

- Các cơ quan thuế, hải quan phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường quản lý thu, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, xử lý nợ đọng thuế; thực hiện các giải pháp phù hợp để đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản phát sinh.

2. Về chi ngân sách nhà nước:

- Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, đúng chế độ quy định; chủ động điều hành đảm bảo cân đối ngân sách địa phương, tổ chức chi ngân sách theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao và khả năng thu ngân sách.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các khoản chi ngân sách trong phạm vi quản lý và theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo nguồn vốn ngân sách được sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao nhất. Rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, nhất là các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng thời gian quy định của từng cấp chính quyền địa phương.

- Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; cắt giảm tối đa các khoản chi chưa cần thiết, cấp bách theo đúng quy định. Chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Chủ động sử dụng các nguồn lực thuộc phạm vi quản lý để ổn định, phát triển sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân;

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển; thực hiện nghiêm quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, quy định về quản lý vốn đầu tư; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ.

- Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể; các cấp, các ngành đã căn cứ dự toán được giao và tiến độ thu thực tế để điều hành thực hiện nhiệm vụ chi; trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án đã được bố trí từ nguồn thu này.

IV. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2019

1. Nguồn kinh phí: Tổng nguồn kinh phí dự phòng năm 2019 bố trí tại dự toán giao đầu năm là 113.765 triệu đồng.

2. Số kinh phí đã phân bổ: Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh đã sử dụng và phân bổ để bố trí cho các nhiệm vụ chi đảm bảo theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 góp phần xử lý kịp thời các nhiệm vụ chi cấp thiết phát sinh trong năm; tính đến ngày 15/11/2019 tổng kinh phí đã phân bổ là 62.181 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ an ninh: 1.491 triệu đồng;
- Chi đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng: 9.760 triệu đồng;
- Chi cho công tác đối ngoại: 1.500 triệu đồng;
- Chi phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai: 23.364 triệu đồng;
- Chi thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh khác: 26.066 triệu đồng.

3. Nguồn kinh phí còn lại: 51.584 triệu đồng.

PHẦN II **DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NĂM 2020**

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày/...../2019 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020 cho tỉnh Đăk Lăk;

Sau khi tổng hợp dự toán của các Sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự toán và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2020 của tỉnh như sau:

I. Cơ sở xây dựng dự toán ngân sách năm 2020

Năm 2020 là năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020; dự toán NSNN năm 2020 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Dự toán thu, chi NSNN năm 2020 được xây dựng theo đúng các quy định của pháp luật về thu, chi và quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

Trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 của tỉnh, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong năm 2020; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

II. Dự toán và phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020.

Dự toán thu NSNN năm 2020 được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành. Mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN; trên cơ sở dữ liệu thông tin quản lý về thuế; đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2019, dự báo các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại năm 2020 có tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thực hiện các văn bản pháp luật về thuế mới sửa đổi, bổ sung, mở rộng cơ sở tính thuế (kể cả đổi tượng và căn cứ tính thuế) và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết quốc tế; yếu tố tăng thu từ tăng cường kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân,

các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng thu từ công tác chống thất thu, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước, các khoản thu từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi.

Trên cơ sở đó, dự toán thu NSNN năm 2020 được xây dựng cụ thể như sau:

1. Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 8.480.000 triệu đồng, tăng 34% so với dự toán Trung ương giao và tăng 22,7% so với ước thực hiện năm 2019, trong đó:

- Thu Thuế và phí: 5.170.000 triệu đồng, tăng 4,0% dự toán Trung ương giao và tăng 10% ước thực hiện năm 2019;
- Thu biện pháp tài chính: 3.025.000 triệu đồng, tăng 280% dự toán trung ương giao và tăng 56,7% ước thực hiện năm 2019;
- Thu xổ số kiến thiết: 130.000 triệu đồng, bằng 100% dự toán Trung ương giao;
- Thu thuế XNK: 155.000 triệu đồng, bằng 100% dự toán Trung ương giao, tăng 10,7% so với ước thực hiện năm 2019;

2. Ghi thu tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh: 300.000 triệu đồng.

(chi tiết phụ lục 04 kèm theo)

3. Đối với dự toán thu ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2020, dự toán giao là: Tổng thu ngân sách là 3.679.950 triệu đồng, trong đó:

- Thu Thuế và phí: 1.945.000 triệu.
- Thu biện pháp tài chính: 1.734.950 triệu đồng, trong đó: tiền đất 1.657.000 triệu đồng;

(chi tiết phụ lục 06 kèm theo)

III. Phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020

1. Tình hình phân bổ chi ngân sách địa phương

Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, dự toán chi năm 2020 được xây dựng cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2019, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN.

Năm 2020 là năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 được xây dựng trên cơ sở định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được quy định tại Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Dự toán chi thường xuyên năm 2020 của các sở, ban, ngành và các huyện thị xã, thành phố đã bố trí theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng và đã đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và HĐND tỉnh ban hành đến thời điểm 31/12/2019. Vì vậy, các sở, ban, ngành và các

huyện, thị xã, thành phố phải bố trí nguồn kinh phí trong dự toán chi năm 2020 để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao;

Bên cạnh đó, dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020 có một số điểm mới so với các năm trước như sau:

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để chuyển sang chi đầu tư phát triển số tiền là 100 tỷ đồng theo Nghị quyết số 38/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

- Tăng bổ sung Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng đường giao thông lên 30 tỷ đồng, bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để thực hiện chính sách cho vay hộ nghèo lên 20 tỷ đồng, tăng mức hỗ trợ chính sách nhà ở hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg phần ngân sách tỉnh bố trí từ 3 triệu lên 5 triệu đồng/hộ, tổng kinh phí là 14.434 triệu đồng; bố trí kinh phí hỗ trợ UBND xã trực tiếp quản lý bảo vệ rừng theo Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg số kinh phí là 2,2 tỷ đồng; kinh phí mua bảo hiểm y tế cho hộ nghèo sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp số kinh phí là 10 tỷ đồng, tăng mức phụ cấp cho lực lượng bảo vệ dân phố theo Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh là 5,4 tỷ đồng, tăng mức hỗ trợ cho các đơn vị thực hiện quản lý, bảo vệ rừng từ 150 ngàn đồng/ha lên 300 ngàn đồng/ha tổng kinh phí là 15,4 tỷ đồng;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện năm đầu thời kỳ ổn định tự chủ về tài chính giai đoạn 2019-2021. Đối với dự toán thu chi năm 2019 của các cơ sở khám chữa bệnh công lập trực thuộc Sở Y tế đã tính toán tiền lương kết cấu vào giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo Thông tư số 37/2015/TTLT-BYT-BTC là 228 tỷ đồng. Tuy nhiên, có 03 bệnh viện: Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Đa khoa Buôn Ma Thuột tự bảo đảm chi thường xuyên (100%) theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ thì số tiền lương kết cấu vào giá dịch vụ khám, chữa bệnh được đẻ lại chi tại đơn vị, số tiền là 107 tỷ đồng; Như vậy, số kinh phí chi thường xuyên ngân sách không phải cấp cho các đơn vị sự nghiệp y tế, dân số và gia đình năm 2019 còn lại là 121 tỷ đồng. Số kinh phí này được phân bổ, sử dụng như sau:

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tham gia sử dụng dịch vụ y tế công lập (Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo), số tiền 2 tỷ đồng; Mua và hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của Luật bảo hiểm y tế, số tiền: 21 tỷ đồng; Chi cho một số nội dung cấp bách khác của y tế địa phương, số tiền 1 tỷ đồng.

+ Tăng chi cho y tế dự phòng; y tế cơ sở; bố trí đủ ngân sách địa phương để thực hiện các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số theo

quy định tại Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, số tiền 6 tỷ đồng.

+ Hỗ trợ các cơ sở khám, chữa bệnh các chi phí chưa kết cấu vào giá như: Chi phí quản lý, kể cả chi phí tiền lương do chưa kết cấu đủ trong giá dịch vụ, dành một phần để hỗ trợ các cơ sở mua sắm trang thiết bị y tế, sửa chữa cơ sở, cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; số tiền 91 tỷ đồng

2. Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2020

a) Tổng chi ngân sách năm 2020: 18.424.228 triệu đồng, tăng 13,2% so với dự toán Trung ương giao và tăng 10,9% so với ước thực hiện năm 2019 trong đó:

a1) Chi cân đối NSDP: 15.882.243 triệu đồng, gồm:

- + Chi đầu tư phát triển: 3.950.782 triệu đồng,
- + Chi thường xuyên: 11.581.830 triệu đồng,
- + Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.440 triệu đồng;
- + Chi trả nợ lãi: 1.400 triệu đồng;
- + Dự phòng ngân sách: 296.791 triệu đồng;
- + Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 50.000 triệu đồng.

a2) Phân bổ dự toán chi từ nguồn Trung ương bổ sung vốn theo mục tiêu đã xác định: 2.541.985 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu: 961.584 triệu đồng;
- Chi thực hiện các chế độ, chính sách: 900.694 triệu đồng;
- Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 679.707 triệu đồng.

(Chi tiết phu lục 05 kèm theo)

b) Ghi chi tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh: 300.000 triệu đồng.

IV. Bổ sung ngân sách cho các huyện, thị xã, thành phố năm 2020

Dự toán thu, chi ngân sách giao cho từng huyện, thị xã, thành phố năm 2020 được xác định theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên dự toán ngân sách địa phương năm 2017; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp. Dự toán chi NSNN năm 2020 được xây dựng trên cơ sở nguồn theo dự toán thu và số bổ sung cân đối thời kỳ ổn định ngân sách đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách Trung ương và địa phương ban hành đến ngày 31/12/2019, thực hiện tinh giản biên chế năm 2020 theo Kế hoạch 1874/KH-UBND của UBND tỉnh, tăng biên chế theo Công văn số 237/BNV ngày 25/6/2019 của Bộ Nội vụ về bổ sung 888 biên chế sự nghiệp của tỉnh Đăk Lăk năm 2019;

Phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2020 đã bố trí đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương do Trung ương và HĐND tỉnh quy định, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội; thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương và HĐND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực, sự nghiệp giao cho các huyện, thị xã, thành phố;

Đã thực hiện giảm trừ bù sung cân đối thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước gồm các huyện: Krông Pắc, Krông Ana, Ea H'Leo, Ea Kar, Buôn Đôn, Cư Kuin và thị xã Buôn Hồ.

V. Phương án trả nợ vay năm 2020.

Dư nợ vay của tỉnh Đăk Lăk đến thời điểm hiện nay (vốn vay tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Phát triển) là 43.250 triệu đồng.

Tổng số nợ phải thanh toán trong năm 2020 là: 43.250 triệu đồng, UBND tỉnh xây dựng phương án trả nợ vay như sau:

- + Sử dụng bội thu ngân sách cấp tỉnh năm 2020 để trả nợ là 2.400 triệu đồng;
- + Sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2019 là 40.850 triệu đồng.

Hết năm 2020 ngân sách tỉnh không còn số dư nợ vay tín dụng ưu đãi của Ngân hàng phát triển Việt Nam.

PHẦN III CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2020

I. Về thu ngân sách Nhà nước

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tạo mọi điều kiện thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2. Tổ chức triển khai thực hiện công tác thu NSNN ngay từ đầu năm, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào NSNN theo quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thuế đã được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành.

3. Tăng cường chỉ đạo đôn đốc thu và chống thất thu ngân sách ngân sách nhà nước của tỉnh nhằm kịp thời đề ra các biện pháp chỉ đạo xử lý nợ đọng thuế, đồng thời xem xét giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc cần tháo gỡ trong công tác chống thất thu ngân sách, góp phần quan trọng vào kết quả thu NSNN năm 2020 của tỉnh;

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế; việc khai báo

tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; đẩy mạnh xử lý nợ đọng thuế, đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá....

5. Đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, nhất là thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất, thu nợ tiền đất, thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, tăng cường thu xử phạt vi phạm hành chính, kịp thời bán đấu giá tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước.

II. Về chi ngân sách

1. Các sở, ban, ngành khẩn trương rà soát tổng thể các chế độ, chính sách do địa phương ban hành (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để tham mưu trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ các chính sách chồng chéo, trùng lắp, kém hiệu quả để dành nguồn cho các chính sách an sinh xã hội cấp thiết.

2. Các cấp, các ngành, các đơn vị thực hiện việc lập, xét duyệt và phân bổ dự toán ngân sách sát với tình hình thực tế và khả năng ngân sách. Các đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo chi trong dự toán, đúng mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các sở, ngành của tỉnh (đơn vị dự toán cấp 1) chủ động xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; xác định nhu cầu kinh phí đối với từng danh mục theo Kế hoạch số 323/KH-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk để UBND tỉnh giao quyền tự chủ theo quy định trong thời kỳ ổn định 2017 - 2020.

4. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Xử lý kịp thời, đầy đủ những sai sót được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; đảm bảo sử dụng ngân sách nhà nước có hiệu quả.

5. Điều hành dự toán chi thường xuyên triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cần thiết và khả năng triển khai thực hiện. Không bố trí dự toán và phê duyệt chủ trương đối với các chương trình, dự án chưa được thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối ngân sách.

6. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Đầu tư công sửa đổi, rà soát đánh giá toàn diện các quy định về quản lý đầu tư công, xây dựng cơ bản. Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn NSNN, khắc phục tình trạng bố trí vốn phân tán, dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn. Ưu tiên phân bổ vốn ĐTPT để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng, chương trình mục tiêu, dự án có ý

nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi ứng trước, phần còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới nếu có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định. Khắc phục triệt để sự chậm trễ, tháo gỡ khó khăn trong giao và giải ngân vốn đầu tư công.

7. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của từng đơn vị, địa phương thực hiện chi thường xuyên trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao và chính sách, chế độ cụ thể đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Sử dụng 70% tăng thu NSDP thực hiện so với dự toán được giao từ năm 2019 để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2019; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2020; kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.Zub

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (đề trình);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNs – HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Ch 210b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục 01

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019 TỈNH ĐẮK LẮK
 (Kèm theo Báo cáo số 818 /BC-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Đăk Lăk)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Số thực hiện năm 2018	Dự toán Năm 2019		Ước thực hiện năm 2019	So sánh % thực hiện với dự toán năm 2019		TH 2018 so với cùng kỳ năm 2018
			TW giao	HĐND giao		TW giao	HĐND giao	
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4	8=5/2	
A	Tổng thu cân đối NSNN (I+II)	5.876.713	5.442.500	6.810.000	6.910.000	127,0	101,5	117,6
I	Thu nội địa (1+2+3)	5.671.873	5.306.000	6.670.000	6.770.000	127,6	101,5	119,4
1	Thu thuế và phí	4.416.941	4.310.000	4.600.000	4.700.000	109,0	102,2	106,4
a	Thu từ khu vực doanh nghiệp	1.634.233	1.397.000	1.648.160	1.749.995	125,3	106,2	107,1
a1	DNNN Trung ương	566.521	578.000	613.500	616.313	106,6	100,5	108,8
a2	DNNN địa phương	967.318	786.000	998.460	1.087.808	138,4	108,9	112,5
a3	DN có vốn đầu tư nước ngoài	100.394	33.000	36.200	45.874	139,0	126,7	45,7
b	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.201.349	1.290.000	1.290.095	1.197.500	92,8	92,8	99,7
c	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	224			1.222			545,5
d	Lệ phí trước bạ	351.105	340.000	340.200	417.360	122,8	122,7	118,9
e	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.450	13.000	11.870	15.090	116,1	127,1	104,4
e	Thuế thu nhập cá nhân	392.226	430.000	429.090	405.174	94,2	94,4	103,3
f	Thu phí, lệ phí	135.478	150.000	150.428	136.682	91,1	90,9	100,9
g	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	53.008	33.000	44.239	57.938	175,6	131,0	109,3
h	Tiền cho thuê đất	177.423	70.000	73.130	121.004	172,9	165,5	68,2
i	Thuế bảo vệ môi trường	417.914	560.000	562.000	562.635	100,5	100,1	134,6
j	Thu phạt do ngành thuế phạt	33.661	27.000	50.788	32.004	118,5	63,0	95,1
k	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	5.870			3.396			
2	Thu biện pháp tài chính	1.129.548	890.000	1.940.000	1.930.000	216,9	99,5	170,9
a	Thu tiền sử dụng đất	863.870	700.000	1.740.000	1.740.000	248,6	100,0	201,4
b	Thu tiền bán nhà	34.077	5.000	5.000	5.000	100,0	100,0	14,7
c	Thu tại xã	11.626	2.000	10.350	10.350	517,5	100,0	89,0
d	Thu khác ngân sách	219.975	183.000	184.650	174.650	95,4	94,6	79,4
	Trong đó Thu xử phạt VPHC ATGT	72.118	88.000	90.000	60.000	68,2	66,7	83,2
3	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	125.384	106.000	130.000	140.000	132,1	107,7	111,7
II	Các khoản do Hải quan thu	204.840	136.500	140.000	140.000	102,6	100,0	68,3

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019 TỈNH ĐẮK LẮK

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 318/BC-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Đăk Lăk)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2018	Dự toán 2019		Ước thực hiện năm 2019	Thực hiện 2019 so với		
			TW giao	HĐND tỉnh giao		Dự toán TW giao (%)	Dự toán HĐND tỉnh giao (%)	Năm 2018 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	Tổng số chi NSNN	14.476.143	14.813.096	16.165.047	16.612.793	112,15	102,77	114,76
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.504.832	12.612.477	13.964.428	14.536.112	115,25	104,09	116,24
1	Chi đầu tư phát triển	1.874.240	1.709.030	2.873.030	3.090.999	180,86	107,59	164,92
a	Chi ĐTXDCB từ nguồn TW cân đối vốn trong n	849.107	903.030	903.030	903.030	100,00	100,00	106,35
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	808.635	700.000	1.740.000	1.740.000	248,57	100,00	215,18
c	Chi đầu tư từ nguồn trả nợ vay và tiền bán nhà	11.823		-				
d	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	138.542	106.000	130.000	130.000	122,64	100,00	93,83
e	Chi đầu tư từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên			100.000	100.000		100,00	
f	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác (chuyển nguồn)	66.133			217.969			
2	Chi thường xuyên	10.629.152	10.649.153	10.795.104	11.443.073	107,46	106,00	107,66
	Trong đó:							
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.947.330	5.161.964	5.245.392	5.560.116	107,71	106,00	112,39
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	15.088	24.208	26.528	25.732	106,30	97,00	170,55
c	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	111.125	114.835	132.781	146.059		110,00	131,44
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.440	1.440	1.440	1.440	100,00	100,00	100,00
4	Chi trả nợ lãi		600	600	600	100,00	100,00	
5	Dự phòng		252.254	252.254				
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương			42.000				
II	Chi từ nguồn TW bổ sung có mục tiêu	1.971.311	2.200.619	2.200.619	2.076.681	94,37	94,37	105,35
1	Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu	1.157.101	955.698	955.698	907.913	95,00	95,00	78,46
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách	507.732	757.744	757.744	707.744	93,40	93,40	139,39
3	gia	306.478	487.177	487.177	461.024	94,63	94,63	150,43

**BIỂU ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2019
CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 318 /BC-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh Đăk Lăk)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Huyện, TP	Dự toán Thu cân đối 2019	Trong đó		Ước thực hiện thu cân đối 2019	Trong đó		So sánh TH/DT 2019	Trong đó	
			Thu thuế, phí	Biện pháp tài chính		Thu thuế, phí	Biện pháp tài chính		Thu thuế, phí	Biện pháp tài chính
1	TP. Buôn Ma Thuột	1.667.300	970.000	697.300	1.693.637	976.337	717.300	101,58	100,65	102,87
2	Huyện Ea H'Leo	80.600	52.000	28.600	87.674	60.146	27.527	108,78	115,67	96,25
3	Huyện Ea Súp	25.800	15.000	10.800	42.640	32.601	10.039	165,27	217,34	92,95
4	Huyện Krông Năng	77.900	46.000	31.900	88.815	51.061	37.754	114,01	111,00	118,35
5	Thị xã Buôn Hồ	115.800	70.000	45.800	119.637	72.827	46.810	103,31	104,04	102,21
6	Huyện Buôn Đôn	35.800	23.000	12.800	55.734	34.475	21.258	155,68	149,89	166,08
7	Huyện Cư M'gar	114.600	81.000	33.600	142.926	97.425	45.501	124,72	120,28	135,42
8	Huyện Ea Kar	132.700	85.000	47.700	155.545	94.668	60.877	117,22	111,37	127,62
9	Huyện M'Drăk	63.100	48.000	15.100	86.331	72.077	14.254	136,82	150,16	94,40
10	Huyện Krông Păc	112.800	76.000	36.800	186.303	89.466	96.837	165,16	117,72	263,14
11	Huyện Krông Ana	55.800	37.000	18.800	60.628	42.775	17.853	108,65	115,61	94,96
12	Huyện Krông Bông	50.150	43.000	7.150	59.736	43.923	15.813	119,12	102,15	221,16
13	Huyện Lăk	24.850	16.000	8.850	48.491	20.561	27.930	195,14	128,51	315,59
14	Huyện Cư Kuin	65.250	33.000	32.250	120.396	42.119	78.277	184,52	127,63	242,72
15	Huyện Krông Búk	65.250	37.000	28.250	64.733	37.675	27.058	99,21	101,82	95,78
Tổng cộng		2.687.700	1.632.000	1.055.700	3.013.227	1.768.138	1.245.089	112,11	108,34	117,94

Phụ lục 04

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020 TỈNH ĐẮK LẮK
 (Kèm theo Báo cáo số 318 /BC-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Đăk Lăk)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán năm 2020		So sánh % DT 2020 UBND xây dựng với	
			Trung ương giao	UBND tỉnh xây dựng	DT TW giao	UTH năm 2019
			1	2	3	4
	Tổng thu NSNN (A+B)				8.780.000	
A	Tổng thu cân đối NSNN (I+II)	6.910.000	6.335.000	8.480.000	133,9	122,7
I	Thu nội địa (1+2+3)	6.770.000	6.180.000	8.325.000	134,7	123,0
1	Thu thuế và phí	4.700.000	4.970.000	5.170.000	104,0	110,0
a	Thu từ khu vực doanh nghiệp	1.749.995	1.730.000	1.847.430	106,8	105,6
a1	DNNN Trung ương	616.313	635.000	635.000	100,0	103,0
a2	DNNN địa phương	1.087.808	1.060.000	1.171.430	110,5	107,7
a3	DN có vốn đầu tư nước ngoài	45.874	35.000	41.000	117,1	89,4
b	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.197.500	1.285.000	1.343.986	104,6	112,2
c	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.222				0,0
d	Lệ phí trước bạ	417.360	440.000	440.000	100,0	105,4
e	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.090	13.000	13.428	103,3	89,0
e	Thuế thu nhập cá nhân	405.174	530.000	530.000	100,0	130,8
f	Thu phí, lệ phí	136.682	135.000	142.000	105,2	103,9
g	Thuế chuyển quyền SD đất					
h	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	57.938	45.000	48.156	107,0	83,1
i	Tiền cho thuê đất	121.004	87.000	90.000	103,4	74,4
j	Thuế bảo vệ môi trường	562.635	670.000	680.000	101,5	120,9
k	Thu phạt do ngành thuế phạt	32.004	35.000	35.000	100,0	109,4
l	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	3.396	0			0,0
2	Thu biện pháp tài chính	1.930.000	1.080.000	3.025.000	280,1	156,7
a	Thu cấp quyền SD đất	1.740.000	800.000	2.700.000	337,5	155,2
b	Thu tiền bán nhà	5.000	5.000	50.000	1.000,0	1.000,0
c	Thu tại xã	10.350	10.000	10.000	100,0	96,6
d	Thu khác ngân sách	174.650	265.000	265.000	100,0	151,7
	Trong đó Thu xử phạt VPHC ATGT	60.000	80.000	80.000		133,3
3	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	140.000	130.000	130.000	100,0	92,9
II	Các khoản do Hải quan thu	140.000	155.000	155.000	100,0	110,7
B	sử dụng đất để chi bồi thường, GPMB nhà đầu tư đã ứng trước			300.000		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
TỈNH ĐẮK LẮK

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 318/BC-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lăk)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2019	Dự toán 2020		So sánh % DT 2020 UBND xây dựng với	
			TW giao	UBND tỉnh xây dựng	DT TW giao	UTH năm 2019
1	2	3	4	5	6=5/4	7=5/3
Tổng số chi NSNN (A+B)						
A	Tổng số chi NSNN	16.612.793	16.279.228	18.424.228	113,2	110,9
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	14.536.112	13.737.243	15.882.243	115,6	109,3
1	Chi đầu tư phát triển	3.090.999	1.905.782	3.950.782	207,3	127,8
a	Chi ĐTXDCB từ nguồn TW cân đối vốn trong nước	903.030	975.782	975.782	100,0	108,1
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.740.000	800.000	2.700.000	337,5	155,2
c	Chi đầu tư từ nguồn tiền bán nhà	-		45.000		
d	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	130.000	130.000	130.000	100,0	100,0
e	Chi đầu tư từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên	100.000		100.000		
f	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác (chuyển nguồn)	217.969				
2	Chi thường xuyên	11.443.073	11.553.830	11.581.830	100,2	101,2
Trong đó:						
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.560.116	5.547.225	5.638.292	101,6	101,4
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	25.732	26.629	40.629	152,6	157,9
c	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	146.059	137.824	140.878	102,2	96,5
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.440	1.440	1.440	100,0	100,0
4	Chi trả nợ lãi	600	1.400	1.400	100,0	233,3
5	Dự phòng		274.791	296.791	108,0	
6	Chi tạo nguồn CCTL			50.000		
II	Chi từ nguồn TW bô sung có mục tiêu	2.076.681	2.541.985	2.541.985	100,0	122,4
1	Chi đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu	907.913	961.584	961.584	100,0	105,9
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách	707.744	900.694	900.694	100,0	127,3
3	Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	461.024	679.707	679.707	100,0	147,4
B	Ghi chi tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất để chỉ bồi thường, GPMB.			300.000		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Khối huyện, thị xã, thành phố

(Kèm theo Báo cáo số 318 /BC-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Đăk Lăk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng thu NSNN	Thu thuế, phí	Trong đó										Thu biến pháp tài chính	Trong đó						
				QĐ Trung ương	QĐ Địa phương	Đầu tư nước ngoài	Ngoài quốc doanh	Thuế sử dụng đất phi NN (thuế nhà đất)	Tiền thuê đất	Lệ phí trước bạ	Phi, lệ phí	Trong đó		Thuế thu nhập cá nhân	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	Thu phạt do ngành thuế thực hiện	Tiền sử dụng đất	Tại xã	Thu Khác	Thu xí phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT	
												Lệ phí môn bài	Phi, lệ phí khác								
1	TP. Buôn Ma Thuột	2.489.300	1.070.000	11.000	38.500	600	507.810	10.500	21.000	258.340	32.000	12.700	19.300	169.000	4.030	17.220	1.419.300	1.400.000	3.300	8.000	8.000
2	Huyện Ea H'Leo	99.600	76.000	1.400	0	-	42.000	150	1.100	13.000	4.600	1.400	3.200	13.000	250	500	23.600	18.000	500	2.600	2.500
3	Huyện Ea Súp	38.900	30.000	100	100	-	18.450	20	350	3.000	2.000	550	1.450	3.600	40	340	8.900	5.000	600	1.800	1.500
4	Huyện Krông Năng	76.400	53.000	900	-	-	21.030	200	500	12.400	4.600	1.200	3.400	11.250	230	1.890	23.400	19.000	400	1.500	2.500
5	Thị xã Buôn Hồ	119.800	79.000	-	-	-	32.900	200	350	16.850	7.000	1.300	5.700	20.000	300	1.400	40.800	35.000	300	2.500	3.000
6	Huyện Buôn Đôn	45.800	36.000	500	2.300	-	11.070	10	520	7.700	2.800	500	2.300	10.000	300	800	9.800	7.000	300	1.000	1.500
7	Huyện Cư M'gar	142.200	112.000	-	1.000	-	50.000	200	1.500	24.000	6.000	1.300	4.700	27.600	400	1.300	30.200	25.000	900	800	3.500
8	Huyện Ea Kar	133.350	95.000	550	-	-	48.600	50	4.000	18.500	4.500	1.570	2.930	17.000	700	1.100	38.350	31.000	850	1.500	5.000
9	Huyện M'Drăk	102.100	90.000	150	0	-	74.584	110	1.800	6.000	1.800	450	1.350	5.000	56	500	12.100	10.000	200	400	1.500
10	Huyện Krông Pắc	157.700	106.000	20	180	-	39.830	250	850	38.000	8.200	1.600	6.600	15.500	1.090	2.080	51.700	45.000	900	1.000	4.800
11	Huyện Krông Ana	65.860	43.000	-	-	-	24.350	50	100	9.550	4.000	650	3.350	7.500	2.000	450	17.800	14.000	400	700	2.700
12	Huyện Krông Bông	54.150	44.000	300	300	-	26.955	5	80	5.860	2.400	480	1.920	4.600	2.500	1.000	10.150	8.000	450	600	1.100
13	Huyện Lăk	29.850	22.000	300	50	-	10.580	53	20	5.000	1.720	450	1.270	3.777	-	500	7.850	5.000	250	500	2.100
14	Huyện Cư Kuin	70.750	48.000	105	-	-	17.000	50	2.000	13.500	3.000	840	2.160	10.765	1.000	580	22.750	20.000	400	650	1.700
15	Huyện Krông Búk	54.250	36.000	-	-	-	17.220	80	200	6.300	2.400	620	1.780	9.200	260	340	18.250	15.000	250	1.000	2.000
	Tổng cộng	3.679.950	1.945.000	15.325	42.430	600	942.379	11.928	34.370	440.000	87.020	25.610	61.410	327.792	13.156	30.000	1.734.950	1.657.000	10.000	24.550	43.400